TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN TỊNH BIÊN
TỈNH AN GIANG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 09/2020/HSST
Ngày 31-3-2020

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TỊNH BIÊN

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Bà Võ Thị Ngọc Mỹ.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Nguyễn Thị Minh Chuyên;

2. Bà Huỳnh Thị Thanh.

Thư ký Tòa án ghi biên bản phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Thành, cán bộ Tòa án nhân dân huyện T.

Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện T tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thanh Kiều, Kiểm sát viên.

Trong ngày 31 tháng 3 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện T xét xử công khai sơ thẩm vụ án hình sự thụ lý số 13/2020/HSST ngày 09 tháng 3 năm 2020 đối với bị cáo:

1. Võ Văn G, sinh năm 1986, nơi sinh tại huyện T, tỉnh A; nơi cư trú: ấp T, xã T, huyện T, tỉnh A; nghề nghiệp: không; trình độ văn hóa: 05/12; dân tộc: Kinh, con ông Võ Văn T, sinh năm 1940 (chết) và bà Nguyễn Thị T, sinh năm 1940; có vợ Nguyễn Thị Thùy L, sinh năm 1980 (đã ly hôn), không có con; Bị cáo là con thứ tám, có 10 anh chị em;

+ Ngày 04/3/2003, bị Tòa án nhân dân tỉnh An Giang xử 10 năm tù về tội "Hiếp dâm trẻ em". Đến ngày 22/8/2012 chấp hành xong hình phạt.

+ Ngày 19/11/2019, bị Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Kiên Lương, tỉnh Kiên Giang khởi tố về hành vi *"Trộm cắp tài sản"*.

Tiền án, tiền sự: không;

Bị bắt tạm giam từ ngày 13/11/2019 đến nay đang bị tạm giữ tại Nhà tạm giữ Công an huyện T, bị cáo có mặt.

- *Người bị hại*: Em Huỳnh Minh C, sinh năm 2001, nơi cư trú: tổ 18, ấp M, xã V, huyện T, tỉnh A, có mặt.

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan*: Bà Mạc Thị Kim Đ, sinh năm 1976, nơi cư trú: tổ 18, ấp M, xã V, huyện T, tỉnh A, có mặt.

- *Người làm chứng*:

1. Ông Võ Văn H, sinh năm 1988, vắng mặt.

2. Ông Nguyễn Văn K, sinh năm 1966, vắng mặt.

3. Ông Lê Phước T, sinh năm 1973, vắng mặt.

4. Em Lê Phước A, sinh năm 1995, vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng 13 giờ 00 phút ngày 06 tháng 11 năm 2019, Võ Văn G đi bộ một mình đến khu vực tổ 18, ấp M, xã V, huyện T, tỉnh A tìm tài sản để lấy trộm. Khi đến nhà của Huỳnh Minh C phát hiện xe môtô biển số 67AE-001.93 dựng trước nhà trên xe gắn sẵn chìa khóa, quan sát không thấy người trông giữ, G đi vào dẫn xe ra đường lộ rồi điều khiển đến nhà Trương Văn D (không có người ở) thuộc ấp T, xã T, huyện T, tỉnh A cất giấu. Sau đó, G tháo biển số xe 67AE-001.93 gắn biển số 67L1-4554 vào xe vừa lấy trộm được. Riêng C sau khi phát hiện xe bị mất trộm đã đến trình báo tại Cơ quan Công an xã V. Ngày 13/11/2019 G bị bắt khẩn cấp, khởi tố, điều tra.

Vật chứng thu giữ: Một (01) biển số xe 67L1-4554; Một (01) biển số xe 67AE-001.93; Một (01) xe Sirius 50, số khung B2UMAXB57655 theo biên bản tạm giữ đồ vật, tài liệu ngày 13/11/2019 của Công an phường V, thành phố C, tỉnh A và biên bản giao nhận vật chứng ngày 13/11/2019 giữa Công an phường V với Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện T.

Tại bản kết luận định giá tài sản số: 1269/KL.HĐĐGTTHS ngày 15 tháng 11 năm 2019 của Hội đồng định giá trong tố tụng hình sự của Ủy ban nhân dân huyện T, kết luận một (01) xe môtô biển số 67AE-001.93, nhãn hiệu FERROLI, loại xe Sirius 50, số khung B2UMAXB57655, số máy P39FMB057655, màu sơn đỏ đen, được định giá là 4.000.000 đồng;

Tại bản Cáo trạng số 16/CT-VKSTB.HS ngày 04 tháng 3 năm 2020, Viện Kiểm sát nhân dân huyện T đã truy tố bị cáo Võ Văn G về tội "Trộm cắp tài sản" theo khoản 1 Điều 173 Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017 (sau đây gọi tắt Bộ luật hình sự).

Tại Cơ quan điều tra, bị cáo Võ Văn G đều khai nhận hành vi như đã nêu.

Tại phiên tòa,

- Bị cáo Võ Văn G đã khai nhận do không có tiền tiêu xài, nảy sinh tìm tài sản lấy trộm, nên khoảng 13 giờ 00 phút ngày 06 tháng 11 năm 2019 một

mình đến khu vực tổ 18, ấp M, xã V, huyện T thấy xe môtô biển số 67AE-001.93 dựng trên đường trên xe gắn sẵn chìa khóa, quan sát thấy không người trông giữ nên đã lấy trộm. Bị cáo không có ý kiến tranh luận với lời luận tội của Kiểm sát viên, xin Hội đồng xét xử giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

- Người bị hại em Huỳnh Minh C khẳng định tình tiết vụ án đúng như bị cáo khai nhận, đồng thời xin giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo; các nhân chứng ông H, K, T và em A được triệu tập nhưng vắng mặt, đều có lời khai trong quá trình điều tra phù hợp với lời khai của bị cáo.

- Kiểm sát viên, đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện T vẫn giữ nguyên quan điểm truy tố bị cáo về tội danh, điều luật áp dụng như nội dung bản Cáo trạng và trình bày lời luận tội: Hành vi của bị cáo đã xâm phạm đến quyền sở hữu tài sản của bị hại mà Viện kiểm sát đã truy tố đối với bị cáo là có căn cứ. Tuy nhiên, khi lượng hình cũng xem xét đến nhân thân của bị cáo: Thành khẩn khai báo, người bị hại xin giảm nhẹ hình phạt, áp dụng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự cho bị cáo Võ Văn G theo điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự.

Từ đó, đề nghị Hội đồng xét xử: Áp dụng mức hình phạt chính đối với bị cáo Võ Văn G từ 09 (chín) tháng đến 01 (một) năm tù;

Về biện pháp tư pháp: Bị hại đã nhận lại tài sản và không yêu cầu bồi thường; Đề nghị tịch thu tiêu hủy 01 (một) biển số xe L1-4554 không có giá trị sử dụng.

Về trách nhiệm dân sự: không.

Về áp dụng hình phạt bổ sung: Do bị cáo không có nghề nghiệp thu nhập không ổn định, đề nghị miễn hình phạt bổ sung là hình phạt tiền đối với bị cáo.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] *Về tố tụng:*

Hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an huyện T, Điều tra viên và Viện kiểm sát nhân dân huyện T, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng và hợp pháp về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự.

[2] *Về tội danh:*

Tại phiên tòa hôm nay, bị cáo Võ Văn G khai nhận hành vi phạm tội của mình như nội dung bản Cáo trạng đã nêu. Lời khai của bị cáo tại phiên tòa hôm nay, cũng phù hợp với lời khai của bị cáo đã khai nhận tại Cơ quan điều tra. Đồng thời còn phù hợp với vật chứng vụ án là xe môtô biển số

67AE-001.93, nhãn hiệu FERROLI, loại xe Sirius 50, số khung B2UMAXB57655, số máy P39FMB057655, màu sơn đỏ đen và 01 (một) biển số xe 67L1-4554 được thu giữ.

Đánh giá tính chất, mức độ hành vi: Bị cáo có đủ năng lực chịu trách nhiệm hình sự, hành vi phạm tội của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, cố ý thực hiện hành vi nhằm chiếm đoạt tài sản của bị hại là em Huỳnh Minh C một cách lén lút, mục đích bán lấy tiền tiêu xài cá nhân; đã trực tiếp xâm phạm đến quyền sở hữu về tài sản của bị hại, giá trị tài sản mà bị cáo chiếm đoạt trị giá 4.000.000 đồng.

Do đó, có đủ cơ sở kết luận hành vi của bị cáo Võ Văn G có đầy đủ dấu hiệu của tội "Trộm cắp tài sản" theo quy định tại khoản 1 Điều 173 Bộ luật Hình sự, như kết luận của Kiểm sát viên là có căn cứ đúng người, đúng tội, đúng pháp luật.

[3] *Về các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự và hình phạt đối với bị cáo*:

Bị cáo được hưởng tình tiết giảm nhẹ: Thành khẩn khai báo, người bị hại xin giảm nhẹ hình phạt nên được áp dụng các tình tiết giảm nhẹ theo quy định tại điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51 của Bộ luật hình sự.

Căn cứ vào tính chất mức độ, hậu quả của hành vi phạm tội và các tình tiết giảm nhẹ, cũng như nhân thân bị cáo. Hội đồng xét xử thấy cần có mức án nghiêm khắc, phải cách ly bị cáo ra khỏi đời sống xã hội một thời gian, nhằm tạo điều kiện cho bị cáo nhận thức được hành vi phạm tội của mình, cũng để răn đe và phòng ngừa chung trong xã hội. Do đó, mức hình phạt mà Viện kiểm sát nhân dân huyện T đề nghị áp dụng đối với bị cáo là tương xứng với tính chất, mức độ nguy hiểm của hành vi phạm tội của bị cáo.

[4] *Biện pháp tư pháp:*

- *Về xử lý vật chứng*:

Một (01) xe mô tô biển số 67AE-001.93, nhãn hiệu FERROLI, loại xe Sirius 50, số khung B2UMAXB57655, số máy P39FMB057655, màu sơn đỏ đen đã được thu giữ giao trả lại cho bị hại (theo biên bản ngày 17/11/2019 của Đội cảnh sát hình sự Công an huyện T).

Tịch thu, tiêu hủy: Một (01) biển số xe 67L1-4554 không có giá trị sử dụng là công cụ dùng vào việc phạm tội cần tịch thu tiêu hủy, theo quy định tại điểm a khoản 1 điều 46; điểm a khoản 1 Điều 47 Bộ luật hình sự và điểm a khoản 2 Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015.

- *Về trách nhiệm dân sự*: Bị hại đã nhận lại tài sản và không yêu cầu bồi thường.

[5] *Về án phí:* Bị cáo phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Điều 38, 50, điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51, khoản 1 Điều 173 của Bộ luật hình sự.

1. Tuyên bố:

- Bị cáo Võ Văn G phạm tội "Trộm cắp tài sản".

2. Xử phạt:

- Bị cáo Võ Văn G 01 (một) năm tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù của bị cáo được tính kể từ ngày bị bắt tạm giam, ngày 13/11/2019 *(ngày mười ba, tháng mười một, năm hai nghìn không trăm mười chín).*

3. Biện pháp tư pháp:

Về xử lý vật chứng: Căn cứ vào điểm a khoản 1 Điều 46; điểm a khoản 1 điều 47 Bộ luật Hình sự; điểm a khoản 2 Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015.

- Một (01) xe mô tô biển số 67AE-001.93, nhãn hiệu FERROLI, loại xe Sirius 50, số khung B2UMAXB57655, số máy P39FMB057655, màu sơn đỏ đen đã được thu giữ giao trả lại cho bị hại (theo biên bản ngày 17/11/2019 của Đội cảnh sát hình sự Công an huyện T).

- Tịch thu, tiêu hủy: Một (01) biển số xe 67L1-4554 không có giá trị sử dụng.

(theo biên bản giao, nhận vật chứng ngày 11/3/2020 giữa Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện T và Chi cục Thi hành án dân sự huyện T).

4. Về án phí: Căn cứ khoản 2 Điều 135, khoản 2 Điều 136 Bộ luật tố tụng hình sự; Điểm a khoản 1 Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

- Buộc bị cáo Võ Văn G phải chịu 200.000 (*hai trăm nghìn*) đồng án phí hình sự sơ thẩm.

5. Về quyền kháng cáo: Căn cứ Điều 331 và Điều 333 Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015 sửa đổi, bổ sung năm 2017.

Bị cáo và bị hại, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 LuậtThi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án,

tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh An Giang;
- VKSND h. Tịnh Biên;
- CQCSĐT CA h. Tịnh Biên.;
- Chi cục THADS h.Tịnh Biên;
- Bị cáo;
- Bị hại;
- Người liên quan;
- Lưu: HS; THAHS.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Võ Thị Ngọc Mỹ